

ƯỚC CHÍNH PHƯƠNG (SQRDIV.CPP)

Với một số nguyên dương x , định nghĩa $f(x)$ bằng số các ước số chính phương của x (Số chính phương trong bài này định nghĩa là các số có giá trị bằng bình phương của một số nguyên dương)

Ví dụ:

$f(108) = 4$ vì số 108 có 4 ước số chính phương: $1 = 1^2$; $4 = 2^2$; $9 = 3^2$; $36 = 6^2$

$f(256) = 5$ vì số 256 có 5 ước số chính phương: $1 = 1^2$; $4 = 2^2$; $16 = 4^2$; $64 = 8^2$; $256 = 16^2$

Cho một phạm vi từ L đến R , hãy tính tổng các $f(x)$ với $\forall x: L \leq x \leq R$:

$$\sum_{x=L}^R f(x) = f(L) + f(L+1) + \dots + f(R)$$

Dữ liệu:

- ☀ Dòng 1 chứa số nguyên dương $T \leq 100$ là số test
- ☀ T dòng tiếp theo, mỗi dòng chứa hai số nguyên dương L, R cách nhau bởi dấu cách ứng với một test ($1 \leq L \leq R \leq 10^9$)

Kết quả: Ghi ra T dòng, mỗi dòng ghi một số nguyên duy nhất là kết quả tính được ứng với một test

Ví dụ

Sample Input	Sample Output	Giải thích test 1		
3	9	x	f(x)	Ước chính phương
20 25	140	20	2	1, 4
11 100	1552	21	1	1
36 1000		22	1	1
		23	1	1
		24	2	1, 4
		25	2	1, 25
		Tổng	9	